

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 22-5-2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Cương

Ông Lưu Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nghiêm Thị Diễm H, sinh năm 1995 (vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà 028, tổ 5, ấp Th A, xã Đ Th, huyện A M, tỉnh K G

- Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1982 (vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: kh 6, phường 9, thành phố C M, tỉnh CM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 14/3/2018, bản tự khai ngày 30/3/2018 nguyên đơn chị Nghiêm Thị Diễm H trình bày và yêu cầu như sau:**

Chị và anh Đ cưới nhau ngày 19/01/2011 (nhằm ngày 16/12/2010 âm lịch), từ khi cưới nhau cho đến nay vợ chồng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tự lập tại ấp Th A, xã Đ Th, huyện A M. Cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vào cuối năm 2013 sau khi chị sinh con thì vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế của gia đình và trong việc sinh hoạt, giao tiếp hàng ngày, dần dần mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn nên đã ly thân nhau.

Vợ chồng có 01 đứa con chung tên Trần Thị Bích T, sinh ngày 01/01/2012, hiện nay anh Đ đang nuôi dưỡng; vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Trần Văn Đ;
- Về quan hệ nuôi con chung: Chị tự nguyện giao con Trần Thị Bích T cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con cùng anh Đ;
- Về quan hệ tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác, cũng không ai nợ vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại đơn chọn Tòa án giải quyết và đề nghị Tòa án giải quyết vụ kiện vắng mặt ở tất cả các giai đoạn theo quy trình giải quyết vụ kiện xin ly hôn ngày 29/3/2018 bị đơn anh Trần Văn Đ trình bày như sau:*

Về thời gian anh và chị H chung sống với nhau, từ khi chung sống với nhau cho đến nay anh, chị không đăng ký kết hôn; mâu thuẫn vợ chồng; vợ chồng có 01 đứa con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh của con; vợ chồng không có tài sản chung; không nợ chung tài sản gì đối với ai khác, cũng không ai nợ vợ chồng là đúng theo ý kiến của chị H trình bày.

Nay theo yêu cầu của chị H anh có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Nghiêm Thị Diễm H;
- Về quan hệ nuôi con chung: Đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con Trần Thị Bích T, sinh ngày 01/01/2012 sau khi vợ chồng ly hôn, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh;

- Về quan hệ tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
- Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác, cũng không ai nợ vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa*

Nguyên đơn chị Nghiêm Thị Diễm H và bị đơn anh Trần Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt đều thể hiện là vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, ngày 29/3/2018 bị đơn anh Trần Văn Đ có văn bản thể hiện ý kiến trình bày, đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh trong các giai đoạn tố tụng, kể cả khi xét xử vụ án. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải vụ án vì thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau đó, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, đến ngày 16/5/2018 nguyên đơn chị Nghiêm Thị Diễm H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nghiêm Thị Diễm H và anh Trần Văn Đ chung sống với nhau ngày 19/01/2011 (nhằm ngày 16/12/2010 âm lịch) nhưng đến nay không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*UBND xã nơi một trong hai người cư trú*). Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (có hiệu lực ngày 01/01/2001). Đến khi có Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (*có hiệu lực ngày 01/01/2015*) anh chị vẫn không đăng ký kết hôn, nên thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng*”, và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*”. Do đó, nay chị H có yêu cầu ly hôn với anh Đ, thì theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia

đình năm 2014 Tòa án sẽ quyết định bằng bản án tuyên bố không công nhận chị H và anh Đ là vợ chồng.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Chị H và anh Đ có 01 đứa con chung tên Trần Thị Bích T, sinh ngày 01/01/2012, hiện nay anh Đ đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị H tự nguyện giao con Trần Thị Bích T cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đ cũng đồng ý theo ý kiến của chị H nêu ra. Thấy rằng, đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự, sự thỏa thuận này phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần ghi nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị H và anh Đ cùng thống nhất xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về quan hệ nợ chung: Chị H và anh Đ cùng thống nhất xác định, vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác, cũng không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; khoản 2 Điều 81 và khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nghiêm Thị Diễm H và anh Trần Văn Đ.

- *Về quan hệ nuôi con chung:* Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nghiêm Thị Diễm H và anh Trần Văn Đ, giao cháu là Trần Thị Bích T, sinh ngày 01/01/2012 cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng (*hiện Bích T đang sống với anh Đ*).Chị H không cấp dưỡng nuôi con cùng anh Đ.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về tài sản và nợ*: HĐXX không xem xét.

- *Về án phí*: Chị Nghiêm Thị Diễm H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo biên lai thu số 0008681 ngày 23/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn chị Nghiêm Thị Diễm H và anh Trần Văn Đ. Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện AM; tỉnh KG;
- Tòa án tỉnh KG;
- THADS huyện AM;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng TA huyện AM.

Trần Văn Tới